

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PL
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 30/9/2021

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Tú Phương

2. Bà Nguyễn Hồng Lành

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Tạ Văn Cung - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL: Bà Lý Thị Nhiên - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL xét xử công khai vụ án thụ lý số 81/2021/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2021/QĐST - HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Cao Thị Kiều M, sinh năm 1999. Địa chỉ: Khóm 5, thị trấn TVT, huyện TVT, tỉnh CM

- Bị đơn: Anh Trần Văn Đa, sinh năm 1998. Địa chỉ: Ấp PT, xã PL, huyện PL, tỉnh BL

(Chị Cao Thị Kiều M có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Trần Văn Đa vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án là chị Cao Thị Kiều M trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Cao Thị Kiều M và anh Trần Văn Đ kết hôn với nhau vào năm 2017, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PL và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/6/2019. Sau khi kết hôn thì vợ chồng ban đầu chung sống với nhau hạnh phúc, đến tháng 02/2021 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, đã sống ly thân từ thời gian trên

đến nay. Do nhận thấy đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được chị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Quá trình sống chung giữa chị M và anh Đ có với nhau 01 người con chung là Trần Thị Tuyết T, sinh ngày 23/4/2018. Khi sống ly thân vào tháng 02/2021 thì tôi mang cháu Trần về nhà cha mẹ ruột của tôi sống chung nhưng đến đầu tháng 4/2021 thì anh Đ và bà Bích tự ý xuống dưới nhà tôi bắt cháu Trần về. Do cháu Trần còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ nên tôi yêu cầu trực tiếp nuôi con. Không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn Đ đã được Tòa án nhân dân huyện PL tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh Đ vắng mặt, không có lý do và không có ý kiến gửi cho Tòa án.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với nguyên đơn đã thực hiện Đa đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị Kiều M và anh Trần Văn Đ có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân giữa chị M và anh Đ là hợp pháp. Quá trình sống chung vợ chồng không hạnh phúc, đã sống ly thân từ tháng 02/2021 đến nay. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M, cho chị M ly hôn với anh Đ;

+ Về con chung: Giao cháu Trần Thị Tuyết Trần, sinh ngày 23/4/2018 cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Đ được quyền thăm con chung không ai được cản trở. Không đặt ra xem xét, giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con do chị M không có yêu cầu.

+ Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu

+ Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về Thủ tục tố tụng: Chị Cao Thị Kiều M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, nuôi con với anh Trần Văn Đ là tranh chấp về hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn, nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu. Anh Trần Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị Cao Thị Kiều M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết

vắng mặt chị M, anh Đ là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Cao Thị Kiều M và anh Trần Văn Đ sống chung từ năm 2017 và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị M, anh Đ là hợp pháp, tuy nhiên trong quá trình sống chung chị M và anh Đ xảy ra mâu thuẫn, đã sống ly thân từ tháng 02/2021 đến nay. Xét thấy, theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, sống chung với nhau nhưng chị M và anh Đ đã sống ly thân hơn gần 06 tháng nay. Từ khi sống ly thân đến nay, hai bên không có biện pháp nào để hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa chị Cao Thị Kiều M và anh Trần Văn Đ lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M, cho chị M ly hôn với anh Đ.

[3] Về con chung: Có 01 người con chung là cháu Trần Thị Tuyết T, sinh ngày 23/4/2018. Chị M yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con...*”. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi sống ly thân cháu Trần Thị Tuyết Trần do chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Đến ngày 01/4/2021, anh Đ tự ý đưa cháu Trần về sống với anh Đ tại xã PL. Khi cháu Trần về sống với anh Đ thì chị M nhiều lần đến thăm cháu Trần nhưng phía gia đình anh Đ ngăn cản, không cho chị M gặp cháu Trần, sự việc trên được Công an xã PL xác nhận ngày 19/4/2021 (BL 30). Để tạo điều kiện cho cháu Trần có cuộc sống ổn định và phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần nên giao cháu Trần cho chị M trực tiếp nuôi con là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Đ được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Chị Cao Thị Kiều M không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết

[6] Về án phí: Chị Cao Thị Kiều M phải chịu 300.000 đồng.

Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56 , Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị Kiều M, cho chị Cao Thị Kiều M ly hôn với anh Trần Văn Đa

- *Về con chung*: Buộc anh Trần Văn Đ giao cháu Trần Thị Tuyết T, sinh ngày 23/4/2018 cho chị Cao Thị Kiều M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu

- *Về tài sản chung*: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu

- *Về án phí*: Chị Cao Thị Kiều M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), chị M đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0004767 ngày 16 tháng 4 năm 2021 của Cục thi hành án dân sự huyện PL được chuyển thu án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện PL;
- THADS huyện PL;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã PL;
- Lưu: Hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Thanh Liêm